

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

3.1. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Tiêu chuẩn về mặt kỹ thuật được đánh giá theo tiêu chí “đạt/ không đạt”. Nhà thầu “đạt” tất cả các nội dung dưới đây thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và được đánh giá tiếp ở bước sau, nhà thầu “không đạt” một trong các nội dung dưới đây thì được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu và sẽ bị loại.

1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng, thiết bị thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1.1. Yêu cầu chất lượng vật liệu xây dựng	Đáp ứng các yêu cầu tại Mục III. Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	Đạt
1.2. Tính khả thi của các nguồn cung ứng vật liệu: - Nhà thầu thuyết minh nguồn cung cấp các vật liệu xây dựng chính (xi măng, sắt thép, gạch không nung, đá, cát, sỏi, cửa nhôm Xingfa, tôn lợp mái...) bảo đảm phù hợp với khối lượng và tiến độ thi công gói thầu. - Nêu cụ thể vận chuyển từ nguồn cung ứng đến công trường và phương án vận chuyển khả thi.	Không đáp ứng các yêu cầu nêu trên Có thuyết minh và tài liệu minh chứng phù hợp	Không đạt Đạt
	Không đáp ứng các yêu cầu nêu trên	Không đạt
1.3. Điều kiện năng lực hoạt động thí nghiệm	- Nhà thầu kèm theo tài liệu chứng minh đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng hoặc trường hợp đi thuê phải có hợp đồng nguyên tắc và đơn vị cho thuê phải có giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.	Đạt
	Không đáp ứng các yêu cầu nêu trên	Không đạt
1.4. Yêu cầu đối với thiết bị thi công công trình	Nhà thầu cam kết các thiết bị thi công công trình đã được chứng nhận kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường chuyên dùng trong khai thác sử dụng còn hiệu lực (nội dung cam kết bằng văn bản riêng, có chữ ký, đóng dấu hợp pháp theo quy định)	Đạt
	Không có cam kết hoặc cam kết không đáp ứng	Không đạt
Kết luận	Đáp ứng tất cả các yêu cầu trên.	Đạt
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.	Không đạt

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

2. Giải pháp kỹ thuật, tổ chức thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
2.1. Tổ chức mặt bằng công trường		
2.1.1. Tổ chức mặt bằng công trường: Nhà thầu phải bố trí mặt bằng để thi công gói thầu.	- Có bản vẽ tổng mặt bằng tổ chức thi công đầy đủ các nội dung theo yêu cầu, phù hợp với biện pháp thi công và tiến độ thi công; - Bản vẽ mặt bằng tổ chức thi công phải phù hợp với hiện trạng khuôn viên xây dựng, không cản trở các công trình lân cận đang hoạt động.	Đạt
	Mặt bằng tổ chức thi công không hợp lý, không phù hợp với biện pháp thi công đề xuất, không thể hiện hiện trạng khu vực dự kiến bố trí, không phù hợp với biểu đồ tiến độ.	Không đạt
2.1.2. Công tác tiếp nhận mặt bằng và bố trí phương án tổng thể thi công.	Có thuyết minh công tác tiếp nhận mặt bằng và bố trí tổng thể phương án triển khai thi công; có sơ đồ các mũi thi công; sơ đồ bố trí các bãi tập kết vật liệu.	Đạt
	Không có thuyết minh hoặc có nhưng không đầy đủ hoặc sơ sài.	Không đạt
2.2. Thi công Trung tâm Phục vụ hành chính công		
2.2.1. Phần xây dựng.	- Có thuyết minh biện pháp thi công hợp lý cho từng công đoạn (đào đắp, bê tông cốt thép, xây tường, mái, hoàn thiện). - Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh.	Đạt
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.	Không đạt
2.2.2. Hệ thống điện trong nhà.	- Có thuyết minh biện pháp thi công hợp lý. - Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh và phù hợp tiêu chuẩn TCVN 9206:2012, TCVN 9207:2012.	Đạt
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.	Không đạt
2.2.3. Hệ thống mạng.	- Có thuyết minh biện pháp thi công hợp lý. - Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh.	Đạt
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.	Không đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
2.2.4. Hệ thống chống sét.	- Có thuyết minh biện pháp thi công hợp lý. - Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh.	Đạt
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.	Không đạt
2.3. Thi công các hạng mục phụ 2.3.1. Kè chắn: Lớp lót bê tông đá 4x6 mác 50; kè xây đá chẻ kích thước 150x200x250 vữa xi măng mác 75; giằng kè bê tông cốt thép đá 10x20 mác 200; trát vữa xi măng mác 75 dày 15mm.	- Có thuyết minh biện pháp thi công hợp lý. - Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh.	Đạt
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.	Không đạt
2.3.2. Mương thoát nước: Thành và đáy mương bê tông đá 10x20 mác 150 dày 100mm.	- Có thuyết minh biện pháp thi công hợp lý. - Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh.	Đạt
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.	Không đạt
2.3.3. Tường rào làm mới.	- Có thuyết minh biện pháp thi công hợp lý. - Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh.	Đạt
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.	Không đạt
2.3.4. Cải tạo bồn hoa, bậc cấp.	- Có thuyết minh biện pháp thi công hợp lý. - Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh.	Đạt
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.	Không đạt
2.3.5. Sân bê tông.	- Có thuyết minh biện pháp thi công hợp lý. - Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh.	Đạt
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.	Không đạt
Kết luận	Đáp ứng tất cả các yêu cầu trên.	Đạt
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.	Không đạt

3. Tiến độ thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
3.1. Thời gian thi công	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 220 ngày có tính đến yếu tố thời tiết và các yếu tố khác	Đạt
	Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 220 ngày Có biểu đồ tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Không đạt Đạt
3.2. Biểu đồ tiến độ thi công.	Không có biểu đồ tiến độ thi công hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật hoặc không đáp ứng yêu cầu của EHSMT.	Không đạt
3.3. Biểu đồ bố trí công nhân.	Có biểu đồ bố trí công nhân hợp lý, khả thi, phù hợp với tiến độ thi công, đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Đạt
	Không có biểu đồ bố trí công nhân hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với tiến độ thi công hoặc đề xuất kỹ thuật hoặc không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Không đạt
3.4. Biểu đồ huy động vật tư, vật liệu.	Có biểu đồ huy động vật tư, vật liệu hợp lý, khả thi, phù hợp với tiến độ thi công, đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Đạt
	Không có biểu đồ huy động vật tư, vật liệu hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với tiến độ thi công hoặc đề xuất kỹ thuật hoặc không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Không đạt
3.5. Biểu đồ huy động máy móc, thiết bị.	Có biểu đồ huy động máy móc thiết bị hợp lý, khả thi, phù hợp với tiến độ thi công, đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	Đạt
	Không có biểu đồ huy động máy móc thiết bị hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với tiến độ thi công hoặc đề xuất kỹ thuật hoặc không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Không đạt
Kết luận	Đáp ứng tất cả các yêu cầu trên.	Đạt
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.	Không đạt

4. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
4.1. Sơ đồ quản lý chất lượng và bộ phận quản lý chất lượng.	- Có sơ đồ quản lý chất lượng rõ ràng, hợp lý. - Có thuyết minh quyền hạn và nghĩa vụ của bộ phận quản lý chất lượng rõ ràng.	Đạt
	Không trình bày đầy đủ, không hợp lý hoặc không nêu.	Không đạt
4.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng vật tư và thiết bị để phục vụ công tác thi công bao gồm: Quy trình và các biện pháp quản lý chất lượng vật tư, vật liệu và máy móc thiết bị thi công.	Có quy trình và các biện pháp quản lý chất lượng vật tư, vật liệu và máy móc thiết bị thi công đầy đủ và hợp lý, khả thi và phù hợp với biện pháp thi công.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu như trên.	Không đạt
4.3. Biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão.	Có biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão hợp lý, khả thi phù hợp với giải pháp kỹ thuật cũng như đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão hoặc có biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với giải pháp kỹ thuật cũng như đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Không đạt
4.4. Đảm bảo an toàn, chất lượng đối với các công trình hiện hữu và hạ tầng kỹ thuật trong khuôn viên: Nhà thầu cam kết trong quá trình thi công không làm thay đổi hiện trạng, không gây ảnh hưởng đến kết cấu và công năng sử dụng của các khối nhà làm việc, các công trình hiện hữu và công trình lân cận trong khu vực trụ sở. Nhà thầu có trách nhiệm bảo vệ tuyệt đối hệ thống hạ tầng kỹ thuật xung quanh (đường nội bộ, hệ thống cấp thoát nước, cấp quang, mạng lưới điện...). Trường hợp thi công gây ra sự cố hư hỏng, lún nứt, sụt lún hoặc làm gián đoạn hoạt động	Có cam kết đầy đủ các nội dung theo yêu cầu (nội dung cam kết bằng văn bản riêng, có chữ ký, đóng dấu hợp pháp theo quy định).	Đạt
	Không cam kết hoặc cam kết không đáp ứng theo yêu cầu.	Không đạt

bình thường của cơ quan, Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm, kịp thời thực hiện các biện pháp khắc phục, sửa chữa để khôi phục nguyên trạng bằng chi phí của Nhà thầu, đồng thời đảm bảo không làm ảnh hưởng đến tiến độ và an toàn chung của trụ sở.		
Kết luận	Đáp ứng tất cả các yêu cầu trên.	Đạt
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.	Không đạt

5. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và vệ sinh môi trường:

Nội dung yêu cầu		Mức độ đáp ứng	
5.1. An toàn lao động			
Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt	
	Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp an toàn lao động nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt	
5.2. Phòng cháy, chữa cháy			
Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt	
	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt	
5.3. Vệ sinh môi trường			
Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường bao gồm các nội dung sau: - Tiếng ồn. - Bụi và khói. - Rung. - Kiểm soát nước thải. - Kiểm soát rác thải, vệ sinh.	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, rõ ràng và đầy đủ các nội dung như yêu cầu.	Đạt	
	Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không rõ ràng hoặc không đầy đủ các nội dung như yêu cầu.	Không đạt	
Kết luận	Đáp ứng tất cả các yêu cầu trên.	Đạt	
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.	Không đạt	

6. Bảo hành công trình:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
6.1 Bảo hành		
Thời gian bảo hành công trình	Cam kết thời gian bảo hành công trình không ít hơn 12 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa công trình vào sử dụng (đối với công trình dân dụng cấp III sử dụng vốn đầu tư công, theo điểm b khoản 5 Điều 28 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP đã được hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BXD ngày 20/01/2026).	Đạt
	Không cam kết hoặc cam kết thời gian bảo hành ngắn hơn 12 tháng.	Không đạt
Kết luận	Đáp ứng tất cả các yêu cầu trên.	Đạt
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.	Không đạt

(Ghi chú: Nhà thầu chịu trách nhiệm với tính chuẩn xác, đầy đủ của các tài liệu thuộc mục tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật. Các tài liệu nhà thầu cung cấp không đầy đủ, rõ ràng theo yêu cầu của HSMT sẽ xem như không đáp ứng và hồ sơ của nhà thầu bị loại. Nội dung này Chủ đầu tư không làm rõ, bổ sung trong quá trình đánh giá).

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất¹:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phân chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)

Không áp dụng.

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này.